

• **Tài liệu đính kèm:** Báo cáo tài chính riêng năm 2024 (đã được kiểm toán) Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG
VÀ TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Khái quát

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được thành lập từ năm 2003 trên cơ sở tái cấu trúc Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại Tin học Toàn Cầu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 11 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Cung cấp các giải pháp tin học; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên; Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông; Sản xuất phần mềm tin học; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế).

Trụ sở chính của Công ty tại tòa nhà Infonet, số 33, Phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại tầng 11 số 111 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm tài chính 2024 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Ngọc Tú	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Duy Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Ngọc Linh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Kiều Dung	Trưởng ban	Đến ngày 23/04/2024
Bà Nguyễn Khánh Ly	Trưởng ban	Từ ngày 24/04/2024
Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên	
Bà Trịnh Thị Thùy Linh	Thành viên	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Hà Ngọc Linh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hà Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Số: 23.12.1.1/24/BCTC/NVA.VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông, được lập ngày 27/03/2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 084/2023/BCTC-FAC lập ngày 29/03/2024 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Tổng Giám đốc

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2023-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Chí Thanh

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		401.617.727.452	416.638.781.881
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.029.741.887	22.064.655.887
1. Tiền	111		20.029.741.887	22.064.655.887
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		282.674.947.609	200.641.138.815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	270.884.415.301	187.990.110.760
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.791.836.038	6.568.910.574
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.655.851.224	9.739.272.435
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.657.154.954)	(3.657.154.954)
IV. Hàng tồn kho	140		98.858.896.522	191.802.337.913
1. Hàng tồn kho	141	V.7	98.858.896.522	191.802.337.913
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.141.434	2.130.649.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	17.805.625	18.031.154
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.033.715.284
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	36.335.809	78.902.828
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.261.816.393	52.848.533.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.529.529	16.529.529
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	16.529.529	16.529.529
II. Tài sản cố định	220		48.137.481.606	42.705.135.571
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	19.440.731.606	17.228.385.571
- Nguyên giá	222		33.654.877.755	30.862.802.603
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.214.146.149)	(13.634.417.032)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	28.696.750.000	25.476.750.000
- Nguyên giá	228		41.200.882.207	37.980.882.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.504.132.207)	(12.504.132.207)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		107.805.258	126.868.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	107.805.258	126.868.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		459.879.543.845	469.487.315.160

05/01/2025
CỔ ĐÓNG
ĐÃ KIỂM TRA
NỘI DUNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		206.132.168.342	221.624.531.198
I. Nợ ngắn hạn	310		193.314.661.794	208.807.024.650
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	66.547.985.612	66.175.123.190
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.289.213.350	29.396.368.154
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.948.638.287	3.239.791.239
4. Phải trả người lao động	314		2.199.582.712	2.735.368.055
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	83.084.413	245.008.672
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.272.925.138	10.252.016.084
7. Vay và thuê nợ tài chính ngắn hạn	320	V.16	98.784.859.425	84.574.976.399
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.188.372.857	12.188.372.857
II. Nợ dài hạn	330		12.817.506.548	12.817.506.548
1. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		12.817.506.548	12.817.506.548
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		253.747.375.503	247.862.783.962
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	253.747.375.503	247.862.783.962
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu quỹ	415		(5.275.156.223)	(5.275.156.223)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		111.653.709.595	106.084.808.594
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.698.951.039	14.306.725.789
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.669.871.092	52.746.405.802
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.507.499.551	38.718.296.223
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.162.371.541	14.028.109.579
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		459.879.543.845	469.487.315.160

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Đặng Thị Trang

Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	703.469.441.608	600.416.150.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.066.718.960	881.148.490
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		702.402.722.648	599.535.002.479
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	643.975.462.675	537.158.348.772
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.427.259.973	62.376.653.707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.470.729.622	1.702.025.600
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.477.364.584	13.916.485.507
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.127.366.240	12.363.048.039
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	11.232.328.716	8.418.011.796
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	29.146.669.195	22.139.671.136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.041.627.100	19.604.510.868
11. Thu nhập khác	31	VI.8	5.252.510.940	6.411.528.296
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.117.128.818	6.999.001.807
13. Lợi nhuận khác	40		3.135.382.122	(587.473.511)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.177.009.222	19.017.037.357
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	4.014.637.681	4.988.927.778
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.162.371.541	14.028.109.579

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Trang



Tổng Giám đốc

Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.177.009.222	19.017.037.357
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.004.416.501	1.810.885.548
- Các khoản dự phòng	03		-	(2.624.051.406)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(539.509.920)	(26.121.564)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(139.533.878)	(94.221.258)
- Chi phí lãi vay	06		4.127.366.240	12.363.048.039
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.629.748.165	30.446.576.716
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(79.957.526.491)	81.262.674.739
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		92.943.441.391	(31.343.360.286)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.116.882.770)	(19.438.663.660)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.288.450	717.805.589
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.289.290.499)	(12.797.883.978)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.995.862.942)	(4.614.792.511)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.767.084.696)	44.232.356.609
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.436.762.536)	(882.452.768)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		95.000.000	421.625.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.000.000.000)
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.533.878	55.035.444
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(7.297.228.658)	(9.405.792.324)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		357.503.155.508	402.310.148.491
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(343.293.272.482)	(452.074.974.868)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.273.030.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.936.853.026	(49.764.826.377)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.127.460.328)	(14.938.262.092)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.064.655.887	37.016.822.055
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		92.546.328	(13.904.076)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	20.029.741.887	22.064.655.887

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Trang

Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được thành lập từ năm 2003 trên cơ sở tái cấu trúc Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại Tin học Toàn Cầu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại tòa nhà Infonet, số 33, Phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ, lắp đặt phần mềm

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Cung cấp các giải pháp tin học; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên; Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông; Sản xuất phần mềm tin học; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2024 là: 55 người (tại ngày 31/12/2023 là 52 người).

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty có một đơn vị phụ thuộc hạch toán độc lập là Chi nhánh Hồ Chí Minh tại tầng 11 số 111 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty có công ty con như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Công nghệ mạng và Truyền thông Sài Gòn	Kinh doanh thiết bị viễn thông, phần mềm	10.000.000.000	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b) Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25	20 - 25
Máy móc thiết bị	05	05
Phương tiện vận tải	03 - 07	03 - 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05	03 - 05
Phần mềm máy tính	03 - 07	03 - 07

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (năm trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	749.612.056	306.465.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.280.129.831	21.758.190.394
Cộng	20.029.741.887	22.064.655.887

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	66.482.105.840	12.358.290.054
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	16.783.645.067	23.574.993.437
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	21.188.441.100	13.117.370.800
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và công nghệ EVN- CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	25.417.585.865	16.574.487.947
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	10.132.952.944	23.455.650.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8.593.926.479	38.287.671.025
Ban Quản Lý Dự Án Truyền Tải Điện - Chi Nhánh Tổng Công ty Truyền Tải Điện Quốc Gia	34.153.288.000	-
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	28.878.082.920	-
Tổng công ty hạ tầng mạng	15.899.705.836	
Phải thu các khách hàng khác	43.354.681.250	60.621.647.497
Cộng	270.884.415.301	187.990.110.760

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm				Đầu năm			
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty TNHH Công nghệ mạng và Truyền thông Sài Gòn	100%	10.000.000.000	-	(*)	100%	10.000.000.000	-	(*)
				-				-
Cộng		10.000.000.000	-			10.000.000.000	-	

Ghi chú: Quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm với Công ty con: Xem thuyết minh VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Material Networks Asia	1.328.775.000	1.211.297.616
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	3.122.057.460
Công ty cổ phần phân phối Việt Nét	5.181.594.900	-
Các đối tượng khác	3.159.408.678	2.235.555.498
Cộng	12.791.836.038	6.568.910.574

5. Phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.618.980.558	9.667.332.968
Phải thu khác	36.870.666	71.939.467
Cộng	2.655.851.224	9.739.272.435
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	16.529.529	16.529.529
Cộng	16.529.529	16.529.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****6. Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	535.097.494	535.097.494	-	535.097.494	535.097.494	-
Văn phòng Bộ Công an	100.100.001	100.100.001	-	100.100.001	100.100.001	-
Công ty CP Anphanam Cơ Điện	103.164.600	103.164.600	-	103.164.600	103.164.600	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vĩnh Hưng	184.000.002	184.000.002	-	184.000.002	184.000.002	-
HUAWEI TECH INVESMENT CO.,LTD	147.832.891	147.832.891	-	147.832.891	147.832.891	-
Trả trước cho người bán	3.122.057.460	3.122.057.460	-	3.122.057.460	3.122.057.460	-
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	3.122.057.460	-	3.122.057.460	3.122.057.460	-
Cộng	3.657.154.954	3.657.154.954	-	3.657.154.954	3.657.154.954	-

7. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.164.523.021	-	51.580.431.649	-
Hàng hóa	46.694.373.501	-	140.221.906.264	-
Cộng	98.858.896.522	-	191.802.337.913	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.182.551.707	1.053.444.419	7.712.524.479	5.914.281.998	30.862.802.603
Số tăng trong năm	168.284.000	4.087.114.900	-	36.363.636	4.291.762.536
<i>Mua sắm mới</i>		4.012.114.900		36.363.636	4.048.478.536
<i>Xây dựng mới</i>	168.284.000				168.284.000
<i>Phân loại lại</i>		75.000.000			75.000.000
Số giảm trong năm	-	-	1.424.687.384	75.000.000	1.499.687.384
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-		1.424.687.384		1.424.687.384
<i>Phân loại lại</i>	-			75.000.000	75.000.000
Số dư cuối năm	16.350.835.707	5.140.559.319	6.287.837.095	5.875.645.634	33.654.877.755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.337.314.599	580.672.755	4.740.104.489	4.976.325.189	13.634.417.032
Số tăng trong năm	735.965.567	435.814.949	464.760.000	372.250.987	2.008.791.503
<i>Khấu hao trong năm</i>	735.965.567	431.439.947	464.760.000	372.250.987	2.004.416.501
<i>Phân loại lại</i>		4.375.002		-	4.375.002
Số giảm trong năm	-	-	1.426.981.265	2.081.121	1.429.062.386
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	1.424.687.384	-	1.424.687.384
<i>Phân loại lại</i>			2.293.881	2.081.121	4.375.002
Số dư cuối năm	4.073.280.166	1.016.487.704	3.777.883.224	5.346.495.055	14.214.146.149
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	12.845.237.108	472.771.664	2.972.419.990	937.956.809	17.228.385.571
Tại ngày cuối năm	12.277.555.541	4.124.071.615	2.509.953.871	529.150.579	19.440.731.606

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng: 6.229.635.512 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay: 6.133.930.970 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	25.476.750.000	12.504.132.207	37.980.882.207
Số tăng trong năm	3.220.000.000	-	3.220.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	28.696.750.000	12.504.132.207	41.200.882.207
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	12.504.132.207	12.504.132.207
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	12.504.132.207	12.504.132.207
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	25.476.750.000	-	25.476.750.000
Tại ngày cuối năm	28.696.750.000	-	28.696.750.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng: 12.504.132.207 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay: 0 đồng

10. Chi phí trả trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	17.805.625	18.031.154
Cộng	17.805.625	18.031.154
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	107.805.258	126.868.179
Cộng	107.805.258	126.868.179

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Prognostic Services Pte Ltd	12.875.051.551	12.875.051.551	21.280.708.742	21.280.708.742
Công ty Cổ phần Tin học MiMi	-	-	3.207.120.000	3.207.120.000
Indo - China Telemedia Pte Ltd	3.356.341.034	3.356.341.034	7.180.942.272	7.180.942.272
Công ty TNHH Công Nghệ Mạng Và Truyền Thông Sài Gòn	31.419.613.612	31.419.613.612	18.509.897.828	18.509.897.828
Các đối tượng khác	18.896.979.415	18.896.979.415	15.996.454.348	15.996.454.348
Cộng	66.547.985.612	66.547.985.612	66.175.123.190	66.175.123.190

Phải trả người bán là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Cục Bưu điện Trung Ương	-	19.574.005.350
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	-	6.941.880.000
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	990.000.000	-
Công ty TNHH Tích Hợp Hệ Thống Quản Lý Quốc Tế	777.879.350	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	404.514.000	-
Các đối tượng khác	116.820.000	2.880.482.804,0
Cộng	2.289.213.350	29.396.368.154

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	9.320.512.001	5.015.229.735	4.305.282.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.916.164.881	4.014.637.681	3.995.862.942	2.934.939.620
Thuế thu nhập cá nhân	323.626.358	902.330.147	873.142.376	352.814.129
Thuế khác	-	8.687.969.494	8.332.367.222	355.602.272
Cộng	3.239.791.239	22.925.449.323	18.216.602.275	7.948.638.287
Thuế phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	42.567.019	42.567.019	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	8.702.935	23.846.212.936	23.846.212.936	8.702.935
Thuế xuất nhập khẩu	27.632.874	-	-	27.632.874
Cộng	78.902.828	23.888.779.955	23.846.212.936	36.335.809

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Lãi vay phải trả	83.084.413	245.008.672
Cộng	83.084.413	245.008.672

15. Phải trả khác ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội	5.479.391	-
Cổ tức phải trả	9.500.000	4.750.000
Phải trả tiền thù lao HĐQT, BKS	1.459.500.000	1.392.000.000
Trần Kim Cương	1.754.000.000	1.754.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	-	7.054.355.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.445.747	46.911.084
Cộng	3.272.925.138	10.252.016.084

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính : VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Đầu năm	
					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Quân đội (a)	16.347.920.900	16.347.920.900	132.334.656.194	157.960.424.429	41.973.689.135	41.973.689.135
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	5.861.393.562	5.861.393.562	32.095.926.932	43.009.134.572	16.774.601.202	16.774.601.202
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	11.319.838.605	11.319.838.605	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (c)	39.840.075.113	39.840.075.113	81.785.469.009	56.507.839.958	14.562.446.062	14.562.446.062
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (d)	1.170.246.000	1.170.246.000	4.392.325.516	3.222.079.516	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (e)	12.579.714.510	12.579.714.510	48.306.189.079	41.407.694.569	5.681.220.000	5.681.220.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (f)	22.985.509.340	22.985.509.340	40.268.750.173	22.866.260.833	5.583.020.000	5.583.020.000
Bà Lê Thị Hồng Vân	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Cộng	98.784.859.425	98.784.859.425	357.503.155.508	343.293.272.482	84.574.976.399	84.574.976.399

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng cấp tín dụng số 232807.24.056.631182.TD ngày 08/08/2024 với hạn mức tín dụng 452.000.000.000 VNĐ bao gồm hạn mức cho vay 200.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm, dịch vụ viễn thông tin học. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 18/06/2025, tối đa 9 tháng/ lần nhận nợ. Các biện pháp đảm bảo được Quy định tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 232807.24.056.631182.TD ngày 08/08/2024.

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng số 01/2024/2440083/HĐTD ngày 03/10/2024 với hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, mở L/C bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/09/2025. Các biện pháp đảm bảo quy định tại Điều 3 Hợp đồng số 01/2024/2440083/HĐTD ngày 03/10/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo HĐ số TKC20160630/HĐTD ngày 26/11/2016 và Phụ lục số TKC20160630/HĐTD/PLHM-2418968 ngày 14/11/2024 về việc tái cấp hạn mức tín dụng cho năm 2024-2025 với hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VNĐ, hạn mức cho vay thông thường: 60.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay. Mục đích cho vay: vay ngắn hạn phục vụ kinh doanh. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 18/12/2024. Các tài sản đảm bảo Quy định tại Điều 7 phụ lục số TKC20160630/HĐTD/PLHM-2418968 ngày 14/11/2024.

(d) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 222/2024/HĐTD/THNC ngày 03/07/2024 với hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VNĐ bao gồm hạn mức cho vay 50.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng từ khi ký hợp đồng, tối đa 9 tháng/ lần nhận nợ. Các biện pháp đảm bảo được Quy định tại Điều 1.4.2.2 Hợp đồng cấp tín dụng số 222/2024/HĐTD/THNC ngày 03/07/2024.

(e) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 41/2024-HĐCVHM/NHCT124-INFONET ngày 03/06/2024; hạn mức cho vay không vượt quá 70.000.000.000 VNĐ; Lãi suất theo từng lần nhận nợ; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn cho vay đến hết ngày 29/05/2025 và không quá 9 tháng/ GNN. Tài sản đảm bảo được quy định tại điều 5 hợp đồng cho vay hạn mức số 41/2024-HĐCVHM/NHCT124-INFONET ngày 03/06/2024.

(f) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00029307.19084/2024/HĐTD ngày 02/10/2024; hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ, trong đó hạn mức cho vay tài trợ hợp đồng đầu ra là 50.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng Khế ước nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn Hợp đồng đến ngày 30/09/2025. Tài sản đảm bảo: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****17. Vốn chủ sở hữu****a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	(5.275.156.223)	92.351.662.765	10.873.439.332	55.884.728.509	233.834.674.383
Lãi trong năm trước					14.028.109.579	14.028.109.579
Trích lập các quỹ			13.733.145.829	3.433.286.457	(17.166.432.286)	-
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	(5.275.156.223)	106.084.808.594	14.306.725.789	52.746.405.802	247.862.783.962
Lãi trong năm nay					13.162.371.541	13.162.371.541
Trích lập các quỹ			5.568.901.001	1.392.225.250	(6.961.126.251)	-
Chia cổ tức					(7.277.780.000)	(7.277.780.000)
Số dư cuối năm	80.000.000.000	(5.275.156.223)	111.653.709.595	15.698.951.039	51.669.871.092	253.747.375.503

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Ông Lê Ngọc Tú	27.755.800.000	34,69%	27.755.800.000	34,69%
Ông Trần Thanh Hải	14.400.000.000	18,00%	14.400.000.000	18,00%
Vốn góp của cổ đông khác	37.844.200.000	47,31%	37.844.200.000	47,31%
Cộng	80.000.000.000	100	80.000.000.000	100

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

d Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	722.220	722.220
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	722.220	722.220
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.277.780	7.277.780
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.277.780	7.277.780
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán riêng

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
USD	95.614,08	3.124,88

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	628.983.140.740	516.971.107.873
Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.486.300.868	83.445.043.096
Cộng	703.469.441.608	600.416.150.969

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	1.066.718.960	881.148.490
Cộng	1.066.718.960	881.148.490

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	592.433.619.544	485.958.455.612
Giá vốn dịch vụ cung cấp	51.541.843.131	51.199.893.160
Cộng	643.975.462.675	537.158.348.772

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.533.878	55.035.444
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	886.685.824	1.620.868.592
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	539.509.920	26.121.564
Cộng	1.470.729.622	1.702.025.600

5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	4.127.366.240	12.363.048.039
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.349.998.344	1.553.437.468
Cộng	5.477.364.584	13.916.485.507

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****6. Chi phí phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	6.283.432.191	5.725.039.507
Chi phí dụng cụ đồ dùng	50.862.834	144.608.109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.741.611	-
Chi phí bảo hành	24.914.000	104.420.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.938.726	640.095.721
Chi phí khác bằng tiền	3.870.439.354	1.803.848.459
Cộng	11.232.328.716	8.418.011.796

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	9.253.113.126	7.656.423.003
Chi phí nguyên liệu, công cụ	281.360.849	271.558.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.844.674.890	1.810.885.548
Thuế phí lệ phí	13.130.401.971	8.371.531.656
Chi phí dự phòng, (hoàn nhập)	-	(574.166.300)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.684.472.179	1.820.594.602
Chi phí khác bằng tiền	2.952.646.180	2.782.844.129
Cộng	29.146.669.195	22.139.671.136

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	95.000.000	39.185.814
Xử lý công nợ	-	4.768.355.000
Các khoản khác	5.157.510.940	1.603.987.482
Cộng	5.252.510.940	6.411.528.296

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	-	461.998.977
Các khoản bị phạt hợp đồng	2.108.499.235	5.412.271.269
Các khoản phạt thuế, tiền chậm nộp	8.629.583	1.116.492.204
Chi phí khác	-	8.239.357
Cộng	2.117.128.818	6.999.001.807

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	332.223.683	416.166.607
Chi phí nhân công	15.536.545.317	13.381.462.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.004.416.501	1.810.885.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.527.410.905	2.460.690.323
Chi phí khác	19.978.401.505	12.488.477.944
Cộng	40.378.997.911	30.557.682.932

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.177.009.222	19.017.037.357
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	2.896.179.183	4.599.483.864
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.646.179.183	4.866.229.745
+ Chi phí lãi vay không được trừ	-	1.975.185.331
+ Chi phí không được khấu trừ	4.646.179.183	2.891.044.414
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.750.000.000	266.745.881
+ Các khoản lỗ của chi nhánh	-	266.745.881
+ Chuyển lãi vay các năm trước	1.750.000.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	20.073.188.405	23.616.521.221
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.014.637.681	4.723.304.244
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	265.623.534
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.014.637.681	4.988.927.778

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****2. Thông tin về các bên liên quan****2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Công nghệ mạng và Truyền thông Sài Gòn	Công ty con

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Công nghệ mạng và Truyền thông Sài Gòn	Mua hàng	73.284.777.568	67.208.165.069

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán (TM V.11)	31.419.613.612	18.509.897.828
Công ty TNHH Công nghệ mạng và Truyền thông Sài Gòn	31.419.613.612	18.509.897.828

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc				
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	138.000.000	120.000.000
Ông Lê Ngọc Tú	TVHĐQT	Lương thưởng	179.047.416	178.260.000
		Thù lao	123.000.000	60.000.000
Ông Phạm Duy Hùng	TVHĐQT	Lương thưởng	442.665.035	442.260.000
		Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ông Phạm Ngọc Sơn	TVHĐQT	Thù lao	48.000.000	60.000.000
		Lương thưởng	382.665.035	382.260.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	TVHĐQT	Thù lao	36.000.000	24.000.000
		Lương thưởng	192.000.000	192.000.000
Ông Hà Ngọc Linh	Tổng Giám đốc	Lương thưởng	632.239.739	107.710.000
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Lương thưởng	322.665.035	322.260.000
Ban Kiểm soát				
Bà Lê Thị Kiều Dung (đến hết ngày 23/04/2024)	Trưởng ban	Thù lao	9.000.000	36.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Bà Nguyễn Khánh Ly (từ ngày 24/04/2024)	Trưởng ban	Thù lao	13.500.000	-
Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên	Thù lao	12.000.000	12.000.000
		Lương thưởng	360.597.596	407.546.506
Bà Trịnh Thị Thùy Linh	Thành viên	Thù lao	12.000.000	12.000.000
		Lương thưởng	291.075.334	238.864.157
Thành viên chủ chốt khác				
Bà Đặng Thị Trang (từ ngày 15/07/2024)	Kế toán trưởng	Lương thưởng	157.543.279	-
Bà Cao Thị Nga (đến hết ngày 14/07/2024)	Kế toán trưởng	Lương thưởng	159.176.606	234.130.339

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp giải pháp tin học, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8, V.16). Tại thời điểm 31/12/2024 Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	181.120.809.546	-	181.120.809.546
Các khoản vay	98.784.859.425	-	98.784.859.425
Phải trả người bán	66.547.985.612	-	66.547.985.612
Người mua trả trước	2.289.213.350	-	2.289.213.350
Chi phí phải trả	83.084.413	-	83.084.413
Phải trả khác	13.415.666.746	-	13.415.666.746
Số đầu năm	196.618.651.793	-	196.618.651.793
Các khoản vay	84.574.976.399	-	84.574.976.399
Phải trả người bán	66.175.123.190	-	66.175.123.190
Người mua trả trước	29.396.368.154	-	29.396.368.154
Chi phí phải trả	245.008.672	-	245.008.672
Phải trả khác	16.227.175.378	-	16.227.175.378

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Đặng Thị Trang

Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025